

Bản án số: 05/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 29-01-2018

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Văn Nô;
2. Bà Huỳnh Thị Lượng.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Nhân, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa: Bà Bò Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân thị xã T tiến hành phiên tòa sơ thẩm công khai xét xử vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 476/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 64/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/12/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mạc Thị Mỹ P, sinh năm 1973; nơi thường trú: Số 06 đường P, Khu phố 5, phường L, thành phố B, tỉnh B; xin vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1970; nơi thường trú: Tổ 12, ấp Đ, xã B, thị xã T, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 9 năm 2016; đơn xác định yêu cầu khởi kiện ngày 20/11/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mạc Thị Mỹ P trình bày:

+ *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Mạc Thị Mỹ P và ông Lê Thanh T chung sống trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục vào năm 2005, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25, Quyền số 01/2005, ngày 13/5/2005. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống, không có sự cảm thông, chia sẻ, yêu thương nhau. Bà P đã

cố gắng cho ông T cơ hội để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không hòa hợp được nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 6/2011 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà Mạc Thị Mỹ P yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thanh T.

+ *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thanh Mỹ Y, sinh ngày 08/12/1999 và Lê Thanh L, sinh ngày 09/11/2006. Khi ly hôn bà Mạc Thị Mỹ P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, không yêu cầu ông Lê Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung.

+ *Về tài sản chung và vay nợ chung*: Bà P tự nguyện không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc, không có thời gian tham gia tố tụng nên bà P có đơn đề nghị Toà án xét xử vụ án vắng mặt.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Lê Thanh T không đến Tòa án tham gia tố tụng và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 25/9/2017, các con chung tên Lê Thanh Mỹ Y và Lê Thanh L đều trình bày nếu cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được chung sống với bà Mạc Thị Mỹ P.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

- *Về thủ tục tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án*: Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mạc Thị Mỹ P, cụ thể như sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Mạc Thị Mỹ P được ly hôn với ông Lê Thanh T.

+ Về con chung: Do bà Mạc Thị Mỹ P hiện đang nuôi dưỡng các con chung tên Lê Thanh Mỹ Y và Lê Thanh L và nguyện vọng của con là được ở với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Mạc Thị Mỹ P được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

+ Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Vấn đề tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình mà bị đơn cư trú tại thị xã T và nguyên đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã T giải quyết. Căn cứ vào Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Mạc Thị Mỹ P vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mạc Thị Mỹ P và ông Lê Thanh T là những người đủ điều kiện kết hôn, chung sống với nhau trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường L, thị xã (nay là thành phố) B, tỉnh B cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 25, quyển số 01/2005 ngày 13/5/2005 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo nguyên đơn trình bày là do bất đồng về quan điểm sống, không có sự cảm thông, chia sẻ, yêu thương nhau. Từ năm 2011 vợ chồng đã sống ly thân.

Bị đơn ông Lê Thanh T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn là thể hiện thái độ coi thường pháp luật và không mong muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình. Hiện nay bà P và ông T đã sống ly thân. Theo quy định tại Điều 17 và 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: *“Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình”*. Đối chiếu với quy định nêu trên thì việc chung sống giữa bà Mạc Thị Mỹ P và ông Lê Thanh T không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có căn cứ, phù hợp quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thanh Mỹ Y, sinh ngày 08/12/1999 và Lê Thanh L, sinh ngày 09/11/2006. Khi ly hôn, bà Mạc Thị Mỹ P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Lê Thanh Mỹ Y và Lê Thanh L, không yêu cầu ông Lê Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Lê Thanh Mỹ Y và Lê Thanh L có nguyện vọng xin được sống với bà P. Xét thấy ý kiến của nguyên đơn phù hợp với nguyện vọng của con chung đủ 07 tuổi trở lên,

phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung tên Lê Thanh Mỹ Y và Lê Thanh L cho bà Mạc Thị Mỹ P được trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XII về án phí, lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Mạc Thị Mỹ P phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 92, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 17, 19, 56, 81, 82, 83, 84 và 85 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Khoản 8 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá XII về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mạc Thị Mỹ P về việc: Ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn ông Lê Thanh T.

2. Bà Mạc Thị Mỹ P được ly hôn với ông Lê Thanh T.

3. Về con chung: Giao cho bà Mạc Thị Mỹ P được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Lê Thanh Mỹ Y, sinh ngày 08/12/1999 và Lê Thanh L, sinh ngày 09/11/2006.

4. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Mạc Thị Mỹ P và ông Lê Thanh T đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án

có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

5. Về tài sản chung và vay nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

6. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Mạc Thị Mỹ P phải nộp số tiền 200.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 200.000 đồng đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0002160 ngày 07/9/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh B. Bà Mạc Thị Mỹ P không phải nộp thêm.

7. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thị xã T (01);
- THADS thị xã T (01);
- THADS thành phố B, tỉnh B
Tàu (01);
- UBND phường L, thành phố B, tỉnh B
(01);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hiền